

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Số: 1889 /SLĐTBXH-VP

V/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi NCC với cách mạng năm 2021.

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính.

Thực hiện Công văn số 3114/LĐTBXH-KHTC ngày 15/9/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2021.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước xin Báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi NCC năm 2021 như sau:

1. Về kinh phí điều trị, điều dưỡng: năm 2021 Sở không tổ chức đi điều dưỡng tập trung mà chỉ thực hiện chi điều dưỡng tại gia đình nên số kinh phí không sử dụng hết theo dự toán, số còn dư là: 1.678.710.000 đồng.

2. Về kinh phí mua Bảo hiểm y tế cho đối tượng người có công:

Tổng số đối tượng NCC được quyết toán kinh phí mua thẻ BHYT năm 2020 chuyển sang đầu năm 2021 tiếp tục thực hiện là 27.208 đối tượng.

Tổng số đối tượng được mua thẻ BHYT đến hết quý III là: 26.922 đối tượng, với tổng số kinh phí đã thanh toán mua thẻ BHYT đến hết quý III/2021 là: 16.230.150.900 đồng.

Số đối tượng dự toán mua thẻ BHYT đến hết năm 2021 là 27.322 đối tượng (trong đó số đã thực hiện đến hết quý III là 26.922 đối tượng, số phát sinh thêm dự kiến là 400 đối tượng).

KP dự toán mua thẻ BHYT cho đối tượng NCC 3 tháng cuối năm 2021 là 5.495.820.300 đồng = 27.322 x 1.490.000 x 4,5% x 3 tháng

Tổng số KP mua BHYT cho đt NCC năm 2021 là 21.725.971.200đ.

Tổng kinh phí mua thẻ BHYT năm 2021 được giao là 23.019.000.000đ.

Tổng nhu cầu kinh phí còn dư của năm 2021 là 1.293.028.800đ.

(Kèm theo Biểu mẫu)

Trên đây là Báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Pháp lệnh ưu đãi NCC năm 2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước. Kính báo cáo Vụ Kế hoạch – Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: *h*

-Như trên;

-Lưu VT, VP.(Ng-3)



BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÁP LỆNH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM 2021
(Kèm theo Công văn số 1889/SLĐTBXH-VP ngày ..04.1.2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG | 1. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2021 | | | 2. Tổng nguồn kinh phí được phép sử dụng năm 2021 | | | 3. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự toán năm 2021 | | | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|---|------------------------------------|
| | | 1.1. Tổng nhu cầu kinh phí | 1.2. Kinh phí thực hiện các chính sách hiện hành (1) | 1.3. Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện các chính sách mới từ ngày 01/7/2021 (2) | Cộng | 2.1. Dự toán NSNN được giao năm 2021 (QĐ số 1648/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2020) | 2.2. Số dự dư toán năm 2020 được phép chuyển sang năm 2021 sử dụng (nếu có) | 3.1. Bổ sung dự toán | 3.2. Điều chỉnh giảm dự toán | | |
| A | B | 1=2+3 | 2 | 3 | 4=5+6 | 5 | 6 | 7=1+4 | 8=4-1 | 9 | |
| | TỔNG CỘNG | 189.573.685 | 189.573.685 | 0 | 192.545.424 | 186.613.120 | 5.932.304 | 0 | 2.971.739 | | |
| A | SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI | 167.847.714 | 167.847.714 | 0 | 169.526.424 | 163.594.120 | 5.932.304 | 0 | 1.678.710 | | |
| I | CHI TRẢ CÁC LOẠI TRỢ CẤP THƯỜNG XUYÊN <i>Trong đó: Kinh phí tăng thêm để chi trả chế độ ưu đãi của Bà mẹ VNAH từ ngày 01/7/2021</i> | 0 | 147.438.304 | | 147.438.304 | 141.506.000 | 5.932.304 | 0 | 0 | | |
| II | CHI TRẢ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI MỘT LẦN (đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các đối tượng 1 lần theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) | 880.000 | 880.000 | | 880.000 | 880.000 | | 0 | 0 | | |
| III | CHI CÔNG VIỆC | 19.529.410 | 19.529.410 | 0 | 21.208.120 | 21.208.120 | 0 | 0 | 1.678.710 | | |
| 1 | Trang cấp DCCCH và phương tiện trợ giúp cho NCC | 155.000 | 155.000 | | 155.000 | 155.000 | | 0 | 0 | | |
| 2 | Điều trị, điều dưỡng cho thương bệnh binh và NCC | 2.476.410 | 2.476.410 | 0 | 3.867.000 | 3.867.000 | 0 | 0 | 1.390.590 | | |
| | - Điều trị | | | | | | | | | | Không tổ chức điều dưỡng tập trung |
| | - Điều dưỡng | 2.476.410 | 2.476.410 | | 3.867.000 | 3.867.000 | | | 1.390.590 | | |
| 3 | Hỗ trợ tiền điện, nước, văn hóa văn nghệ phục vụ điều dưỡng tập trung | 0 | 0 | 0 | 288.120 | 288.120 | | | 288.120 | | |



| STT | NỘI DUNG | 1. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2021 | | | 2. Tổng nguồn kinh phí được phép sử dụng năm 2021 | | | | 3. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự toán năm 2021 | | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------|-----------|---------|
| | | 1.1. Tổng nhu cầu kinh phí | 1.2. Kinh phí thực hiện các chính sách hiện hành (1) | 1.3. Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện các chính sách mới từ ngày 01/7/2021 (2) | Cộng | 2.1. Dự toán NSNN được giao năm 2021 (QĐ số 1648/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2020) | 2.2. Số dự dự được phép chuyển sang năm 2021 sử dụng (nếu có) | 3.1. Bổ sung dự toán | 3.2. Điều chỉnh giảm dự toán | | |
| A | B | 1=2+3 | 2 | 3 | 4=5+6 | 5 | 6 | 7=1+4 | 8=4-1 | 9 | |
| 4 | <p>Chi hỗ trợ hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng thương binh tập trung và điều dưỡng luân phiên NCC với cách mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ hoạt động phục vụ công tác nuôi dưỡng người có công Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và công việc khác phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5 | Chi công tác Mộ và Nghĩa trang liệt sĩ | 10.500.000 | 10.500.000 | | 10.500.000 | 10.500.000 | | 0 | | | |
| 6 | <p>Chi cho công tác quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> Kinh phí chi công tác quản lý Hỗ trợ khác phục vụ công tác quản lý | 6.398.000 | 6.398.000 | 0 | 6.398.000 | 6.398.000 | | 0 | | | |
| | | 5.798.000 | 5.798.000 | | 5.798.000 | 5.798.000 | | 0 | | | |
| | | 600.000 | 600.000 | | 600.000 | 600.000 | | 0 | | | |
| B | SỰ NGHIỆP Y TẾ | 21.725.971 | 21.725.971 | 0 | 23.019.000 | 23.019.000 | | 0 | | 1.293.029 | |
| | <p>Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng người có công</p> <p><i>Trong đó: Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng từ ngày 01/7/2021</i></p> | 21.725.971 | 21.725.971 | | 23.019.000 | 23.019.000 | | | | 1.293.029 | |
| | | 0 | | | 0 | | | 0 | | 0 | |

Người lập biểu

Nguyễn Văn Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Trang

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thủy Trang

